TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **180**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 25/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Ông Trần Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 35b/2024/QĐHPT –HNGĐ ngày 10/7/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn Cây Phay, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: Anh Hoàng Xuân A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Đèo Tượng, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân A đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình nhà anh A tại thôn Đèo Tượng, xã T, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, chị và anh A sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan

điểm, lối sống, chị xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 10/4/2020, hiện cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh A không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh A không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị T có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân A. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 10/4/2020 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, nên không đề nghị HĐXX xem xét. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T và anh A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Nguyễn Xuân A hiện đang cư trú, sinh sống tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh Nguyễn Xuân A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân A: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh A đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị T và anh A kết hôn từ năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn Đèo Tượng, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh A không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh A cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị T và anh A đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Chị T và anh A ngày càng trầm trọng, điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 10/4/2020, hiện cháu T đang ở cùng Chị T. Anh A giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Bản thân Chị T có nguyện vọng được nuôi con, có thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo nuôi con. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Chị T thì Toà án nên giao cháu T cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị T là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, vay nợ chung: Chị T xác định không có.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh A không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân A. (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 15/9/2020 của UBND xã T).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001229401 ngày 14/5/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000800 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Xuân A không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm Nguyễn Văn Toàn